

QUESTIONNAIRE FOR ODP APPLICANTS
Câu hỏi cho người nộp đơn

ODP IV :

Date :
Ngày

Fill out this questionnaire in English as completely as possible. If you can not read or write in English, fill it out in Vietnamese.

Xin điền vào Bảng Câu hỏi sau đây bằng tiếng Anh càng đầy đủ càng tốt. Nếu Bạn không đọc hoặc viết rành Anh ngữ được thì điền bằng tiếng Việt.

Mail or send the completed questionnaire to :

Gửi Bảng Câu hỏi này về :
Mrs KHUC MINH THO
PO. Box 5435 Arlington
Va. 22205-0635
THE U. S. A.

A. BASIC IDENTIFICATION DATA / Lý lịch căn bản.

1. Name : **THỊ LÂM** / Sex : **Female.**
Họ tên Phái
2. Other name : **None**
Họ tên khác
3. Date/Place of Birth : **1943 Thanh Hưng, Rach Gia Province.**
Ngày / Nơi sinh
4. Residence Address : **Thanh Hưng Commune, Giồng Riềng District.**
Địa chỉ thường trú
5. Mailing Address : **Same as above.**
Địa chỉ thư từ
6. Current Occupation : **Farmer.**
Nghề nghiệp hiện tại

B. RELATIVES TO ACCOMPANY ME / Bà con cùng đi với tôi.

(NOTE : Your spouse and unmarried children are the only relatives eligible to accompany you. List marital status (MS) as follows : married (M), Divorced (D), Widowed (W) or Single (S).)

(CHÚ Ý: Chỉ có vợ/chồng và con còn độc thân mới có thể cùng đi với Bạn. Kể khai tình trạng gia đình như sau : đã lập gia đình (M), đã ly dị (D), góa phụ/góa thê (W), hoặc độc thân (S).)

NAME	DATE/PLACE OF BIRTH	SEX	M.S.	RELATIONSHIP
1. Thị HẠNH	1963 Thanh Hưng, KG.	M	M	Daughter.

(NOTE : For the persons listed above, we will need legible copies of birth certificates, marriage certificates (if married) divorce decree (if divorced), spouse's death certificate (if widowed), ID Cards (if available), and photos. If any of the above accompanying relatives do not live with you, please note their addresses in Section I below.)

(CHÚ Ý: Cho mỗi người có tên trong danh sách, chúng tôi cần một khai sinh, Hôn thú (nếu đã có gia đình), Giấy ly hôn (nếu đã ly dị), Khai tử của vợ/chồng (nếu là góa phụ/góa thê), thẻ căn cước (nếu có), và hình. Nếu bà con sẽ cùng đi với Bạn mà hiện không cùng chung ngụ, xin ghi địa chỉ của họ trong Phần I bên dưới.)

C. RELATIVES OUTSIDE VIETNAM / Bà con ở ngoại quốc.

	OF MYSELF của tôi	OF MY SPOUSE của vợ/chồng
1. Closest Relative in The U.S. Bà con thân thuộc nhất ở Hoa Kỳ	:	:
a. Name Họ tên	:	:
b. Relationship Liên hệ gia đình	:	:
c. Address Địa chỉ	:	:
d. Date of Relative's Arrival in The U.S. Ngày bà con đến Hoa Kỳ	:	:
2. Closest Relative in Other Foreign Countries :	:	:
Bà con thân thuộc nhất ở các nước khác	:	:
a. Name Họ tên	:	:
b. Relationship Liên hệ gia đình	:	:
c. Address Địa chỉ	:	:

IV COMPLETE FAMILY LISTING (Living/Dead) / Danh sách toàn thể gia đình (Sống/Chết).

1. Father : DANH NHEM Living. Farmer at Th. Hưng.
Chà
2. Mother : THỊ THANG Living, Farmer at Th. Hưng.
Mẹ
3. Spouse : DANH SAN, born in 1941 at Thanh Hưng.
Vợ/Chồng Late Private.
4. Former Spouse (if any) : None.
Vợ/chồng trước (nếu có)
5. Children : Any more than :
Con cái
- Thị Hạnh, born in 1963 at Thanh Hưng, Kiên Giang.
Living at Thanh Hưng, Giồng Riềng.
6. Siblings :
Anh chị em (1) Brothers: Danh Hanh, 1947, Farmer at Thanh Hưng.
(2) Sister : Thị Lang, 1931, Farmer at Thanh Hưng.

E. EMPLOYMENT BY U.S. GOVERNMENT AGENCIES OR OTHER U.S. ORGANIZATION OF YOU OR YOUR SPOUSE / Bạn hoặc vợ/chồng đã có làm việc cho công sở của Chính Phủ Hoa Kỳ hoặc Hàng Mỹ.

1. Employee Name :
Họ tên nhân viên
Position Title :
Chức vụ
Agency/Company/Office :
Sở / Hàng / Văn phòng
Length of Employment : From: To :
Thời gian làm việc Từ tới
Name of American Supervisor :
Tên họ Giám Thị Hoa Kỳ
Reason for Separation :
Lý do nghỉ việc
2. Employee Name :
Họ tên nhân viên
...
Reason for Separation :
Lý do nghỉ việc
3. Employee Name :
Họ tên nhân viên
...
Reason for Separation :
Lý do nghỉ việc

F. SERVICE WITH CVN OR RVNAF BY YOU OR YOUR SPOUSE / Bạn hoặc vợ/chồng đã công vụ với Chính Phủ Việt Nam.

1. Name of Person Serving : DANH SAN
Họ tên người tham gia
2. Dates From : 20.05.1960 To : 24.07.1965
Ngày tháng năm Từ tới
3. Last Rank : Private Mil. Serial No. : 166.084
Cấp bậc cuối cùng Số quân
4. Ministry/Office/Mil. Unit :
Bộ/Sở/Đơn vị binh chủng
5. Name of Supervisor / C.O.:
Họ tên G. thị/SQ chỉ huy
6. Reason for Separation : Killed by VC mortar.
Lý do nghỉ việc
7. Names of American Advisor(s)
Tên họ Cố vấn Hoa Kỳ :
8. U.S. Training Courses in Việt Nam :
Các khóa huấn luyện của Hoa Kỳ tại Việt Nam
9. U.S. Awards or Certificates
Name of Award Date received :
Phân thưởng/Giấy khen Ngày nhận

(NOTE : Please note any copies of diplomas, awards or certificates, if available. Available ? Yes : No : .)

(CHÚ Ý: Xin bạn kèm theo bất cứ Văn bằng, Giấy ban khen hoặc chứng thư, nếu có. Bạn có không? Có : Không : .)

G. TRAINING OUTSIDE VIETNAM OF YOU OR YOUR SPOUSE / Bạn hoặc vợ/chồng đã được huấn luyện ở ngoại quốc.

1. Name of Student/Trainee :
Họ tên sinh viên/người thụ huấn
2. School and School Address :
Trường và địa chỉ trường
3. Dates : From : To :
Ngày tháng năm Từ tới
4. Description of Courses :
Mô tả ngành học
5. Who paid for training ?
Ai đài thọ chương trình huấn luyện

(NOTE : Please attach copies of diplomas or orders, if available.
Available ? Yes : No : .)

(CHÚ Ý: Xin bạn kèm theo Văn bằng hoặc chỉ thị, nếu có. Bạn có không ? Có : Không : .)

H. RE-EDUCATION OF YOU OR YOUR SPOUSE / Bạn hoặc vợ/chồng đã học tập cải tạo.

1. Name of Person in Re-Education :
Họ tên người học tập cải tạo
2. Time in Re-Education : From : To :
Thời gian học tập cải tạo Từ tới
3. Still in Re-Education ? Yes : No :
Còn học tập không ? Còn Không

(If released, we must have a copy of your release certificate.)
(Nếu được thả, chúng tôi cần một bản sao giấy ra trại của Bạn.)

I. ANY ADDITIONAL REMARKS? / Có điều phụ thuộc ?

I would ask for your humanitarian help to grant me war dead's wife allowance as before.

Signature :
Ký tên

Date :
Ngày

J. ALL DOCUMENTS ENCLOSED / Tất cả hồ sơ đính kèm.

1. Photocopy of my husband's death certificate.
2. Photocopy of my husband's military ID Card.

THE CA

SS 06584543

Họ Tên

THỊ LAM



Nơi, nơi sinh

1943

Thanh Hưng (Bach-Gia)

Cha

Danh Nam

Mẹ

Thị Trang

Địa chỉ

30/2 Thanh Hưng K/B K/03

Dấu vết riêng:

Seo tròn cách I trên B
sau khoe miệng phải

Chữ ký đương sự:

Kien Giang ngày 5.8.1970

Phó-Ty Cảnh-Sát Quốc-Gia

LƯU NGHĨA HIỆP

Cao: 1 th

53

Nặng:

50

kg

Nghĩa An



Phị An h
26, Tuổi

Phị An h
46 Tuổi

6710101

THẺ TRUNG BÌNH

Phụ bản số

Hàng âm số đặc-luật

TRÍCH Ở SỔ "DANH BỘ" TẬP SỐ 1

Định theo Huân-thị

số

PHÒNG TUYỂN BỊNH

L 14-1-5 Va Thu' 10

Ông Danh Sơn

Số quân 61 + 166, a 84 (2)

Sinh ngày 1941

tại Thanh Hóa

Nơi tại

L 8 - 69/5 ấp Thanh Nguyên, Thanh Hóa

đã được Hội-Đồng Kiểm-tra Trung Bình

Thị Giang xếp vào hạng Chiến đấu

trong phiên họp ngày

20-5-1960

Ở TỈNH TRẠNG NÀY, ĐƯƠNG-SỰ BẮT BUỘC PHẢI TUÂN THEO HUÂN-LỆNH CỦA ỒNG BỘ TRƯỞNG QUỐC-PHÒNG VỀ VIỆC THI HÀNH QUÂN-DỊCH (xem trang sau)

Điền chỉ hai ngón tay cái:

Đã làm tại Thị Bình ngày 20/5/60

Trưởng Phòng Tuyển-Binh



[Handwritten signature]

Hành lệnh phải tuân theo khi có

Thời bình hay khi tổng động viên được triệu tập, mà lệnh gọi riêng cho

Lệnh gọi của thể thì trên thẻ công thị công bố lại lệnh gọi đó sẽ được xem trong thẻ trong binh mình (ở trên) âm số giống như hàng âm số trong thẻ cá nhân, thì phải trình diện với thể

Đầu thẻ nào chẳng nữa, người chỉ định trong thời hạn 15 hôm sau để truy tố vì tội bất phục tùng sẽ được diện trong hạn kỳ kể trên.

Bắt

Điều thứ 105 Bộ quân luật như sau: "Người phạm tội bất phục tùng theo luật này sẽ bị bắt giam từ 1 tháng đến 1 năm, tùy theo mức độ của hành vi phạm tội."

- (1) Cơ quan m...
- (2) Số quân này...
- (3) Khi đi về...

hành ngũ hay khi tổng động viên

thời bình hay khi tổng động viên được triệu tập, mà lệnh gọi riêng cho

thời bình hay khi tổng động viên được triệu tập, mà lệnh gọi riêng cho

thời bình hay khi tổng động viên được triệu tập, mà lệnh gọi riêng cho

ong

thời bình hay khi tổng động viên được triệu tập, mà lệnh gọi riêng cho

- (1) Cơ quan m...
- (2) Số quân này...
- (3) Khi đi về...

T U

Người chết :	DANH-SA.	
Tên họ		
Nghề-nghiep :		
Cư trú tại :	Đồn-Thới-An.	
Sanh ngày :	24 Tuổi.	
Tại :	Trấn-Anh.	
Chưa có chồng, vợ hay góa chồng vợ		
Kể tên họ nếu có	Thị-Lan.	
Người chồng hay vợ làm nghề gì ?	Khai-Trợ	
Cha :	Danh-Chê. (c)	
Tên họ		
Mẹ :	Thị-Phượng. (c)	
Tên họ		
Chết ngày :	20 tháng 7 năm 1965.	
Chết tại :	Xã Thới-An.	
Ngày khai :	24 tháng 7 năm 1965.	
Người khai :	Thị-Lan.	
Tên họ		
Người khai mấy tuổi :	21 tuổi.	
Nghề-nghiep :	Khai-Trợ.	
Cư-trú tại :	Đồn Nghiã-An Thới-An.	
Người chứng thứ nhất :		
Tên họ	Phạm-Văn-Tam.	
Mấy tuổi :	Hai mươi chín tuổi.	
Nghề-nghiep :	Nhân viên nã-n-quân sự	
Cư-trú tại :	Thới-An.	
Có phải bà con hoặc ở gần người chết phải nói rõ :	O - Gần.	
Người chứng thứ nhì :	Nguyễn-Trung.	
Tên họ		
Mấy tuổi :	Hai mươi tám.	
Nghề-nghiep :	Binh-dự nghĩa-an.	
Cư-trú tại :	Đồn Thới-An.	
Có phải là bà con hoặc ở gần người chết phải nói rõ :	O - chung.	

(1) Lễ chừa
đề lược biên án tòa
cái khai tử lại

Làm tại Thới-An, ngày 21 tháng 7 năm 1965

Người khai,
Thị-Lan.
(lăng tay)

Hộ-lại,
Đặng-văn-Chương.
(ký-tên)

Nhân chứng,
1-Phạm-văn-Tam.
(ký-tên)

2- Nguyễn-Trung.

SAU-Y HỒ-LUI.

(ký-tên)

Thới-An ngày 20 tháng 6 năm 1965.

Thới-An ngày 20 tháng 6 năm 1965.

Thới-An ngày 20 tháng 6 năm 1965.

X A - T R O N G

Ủy-Viên Hộ-Phò

Lan

PHẢI NHỚ: Chỗ trống không dùng đến phải kéo một nét.

From : THI LÂN
Xã Thanh Hưng
Huyện Giồng Riềng
Tỉnh Kiên Giang
VIỆT NAM

R A
Nº 8 1 5



VIET-NAM
19050
QUỐC CHINH
Số máy 2

MAV BAY
PAR AVION

DEC 20 1989

TO: MRS KHUC MINH THO
PO. BOX 5435 ARLINGTON
VA. 22205-0635
U. S. A.

hog = 19050